



Công Ty Chứng Khoán
Yuanta Việt Nam

Yuanta
Securities Vietnam

www.yuanta.com.vn

We Create **Fortune**



TTCK 04/2021: Đà tăng vẫn còn nhưng rủi ro tăng dần

Phòng Nghiên cứu và Phân tích khối KHCN YSVN



2021

Macroeconomics
Stock market

KINH TẾ VĨ MÔ Q1/2021

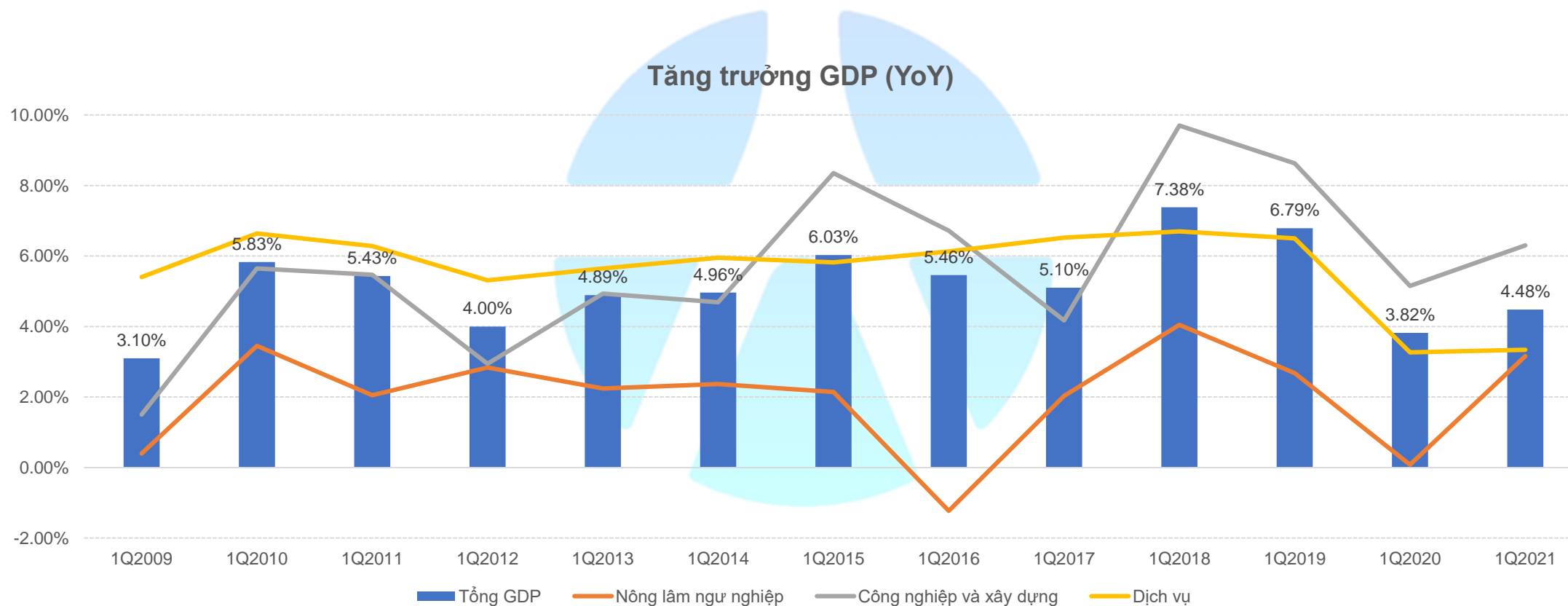
- 01 GDP chưa lấy lại đà tăng trưởng trước dịch
- 02 Vốn FDI 3T2021 hơn 10 tỷ USD, tăng 18.5%
- 03 Xuất nhập khẩu Q1/2021 hồi phục mạnh
- 04 Lạm phát cơ bản bình quân Q1/2021 tăng 0.67%
- 05 Chỉ số sản xuất công nghiệp lấy lại đà tăng trưởng
- 06 Tổng mức bán lẻ tăng trưởng nhẹ
- 07 Tỷ giá và giá vàng

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG THÁNG 04/2021

- 08 Diễn biến thị trường trong tháng 03/2021
- 09 Giao dịch khối ngoại trong tháng 03/2021
- 10 Triển vọng TTCK trong tháng 04/2021

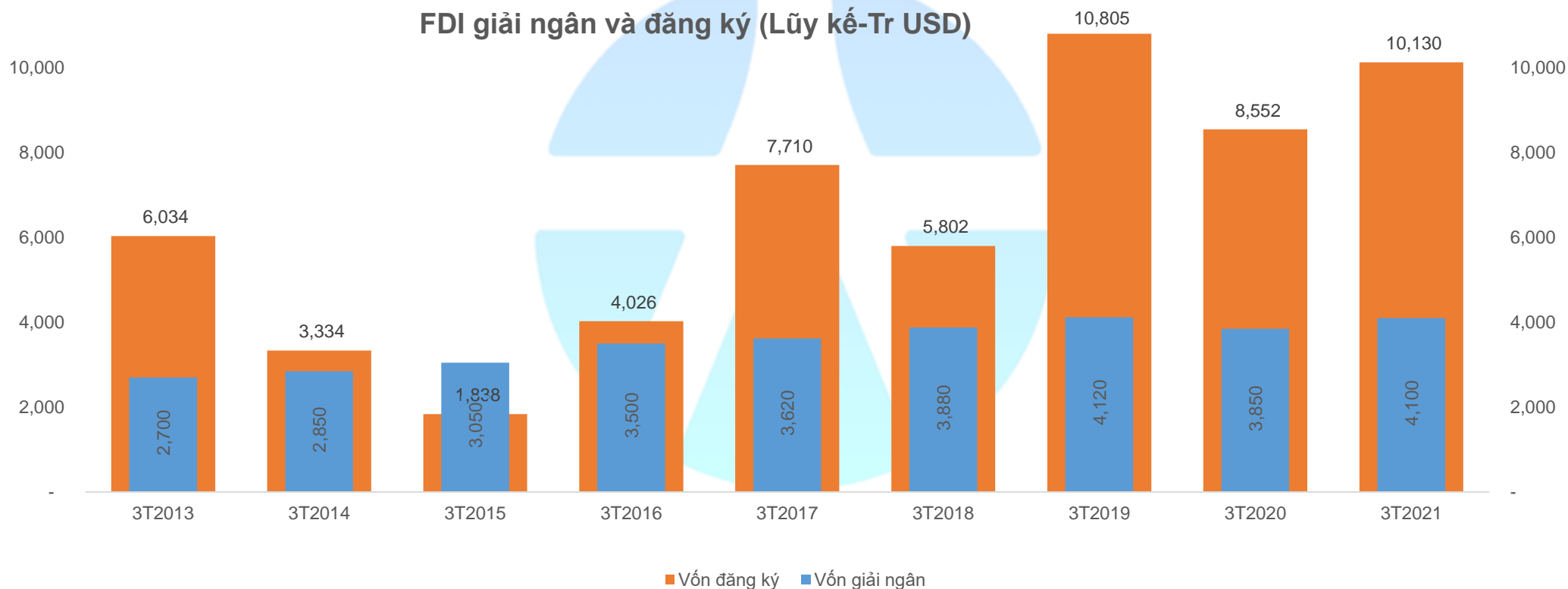
1. GDP chưa lấy lại đà tăng trưởng trước dịch

- GDP quý 1/2021 ghi nhận mức tăng trưởng 4.48% so với cùng kỳ, mặc dù cao hơn so với mức 3.82% của quý 1/2020 nhưng chưa lấy lại đà tăng trưởng của giai đoạn trước dịch Covid-19, do ảnh hưởng một phần từ đợt dịch lần 3 phát sinh ở Hải Dương và Quảng Ninh vào cuối tháng 01/2021.



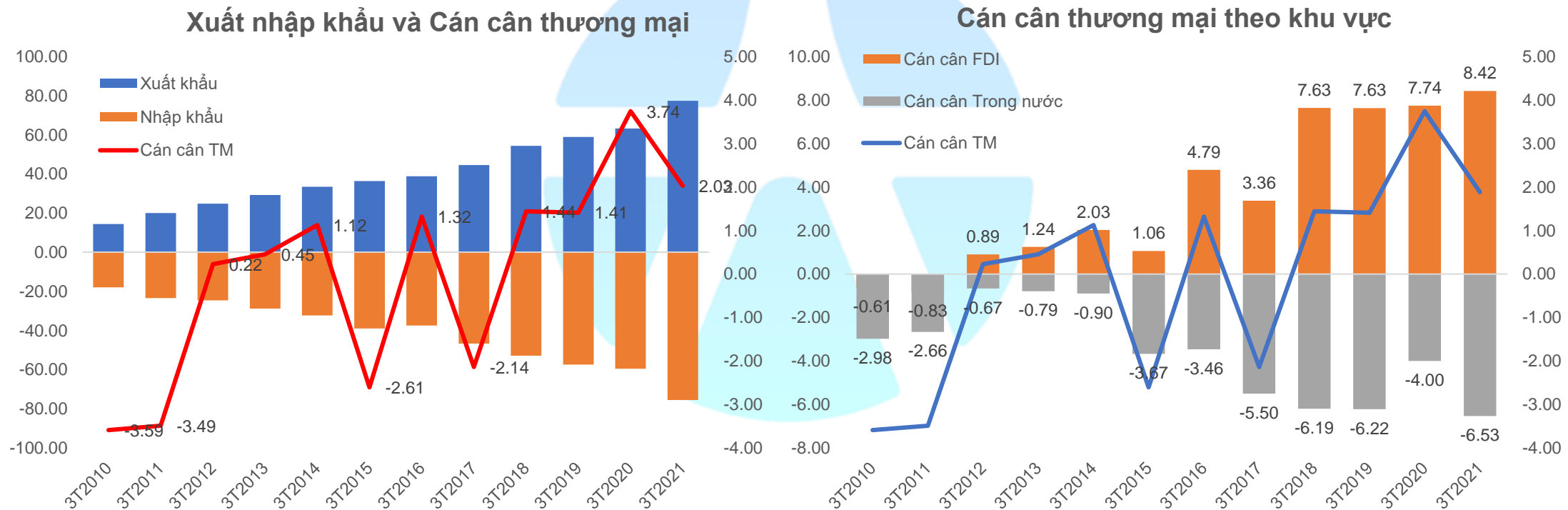
2. Vốn FDI 3T2021 đạt hơn 10 tỷ USD, tăng 18.5%

- Tổng vốn đăng ký 3 tháng đầu năm đạt 10.13 tỷ USD, tăng 18.5% so với cùng kỳ 2020. Vốn giải ngân ước đạt 4.1 tỷ USD, tăng 6.5% so với cùng kỳ.
- Có 234 dự án được cấp mới với tổng vốn đăng ký đạt 7.2 tỷ USD, tăng hơn 30% so với cùng kỳ. 161 dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký tăng thêm 2,1 tỷ USD, tăng hơn 97% so với cùng kỳ.



3. Xuất nhập khẩu Q1/2021 hồi phục mạnh

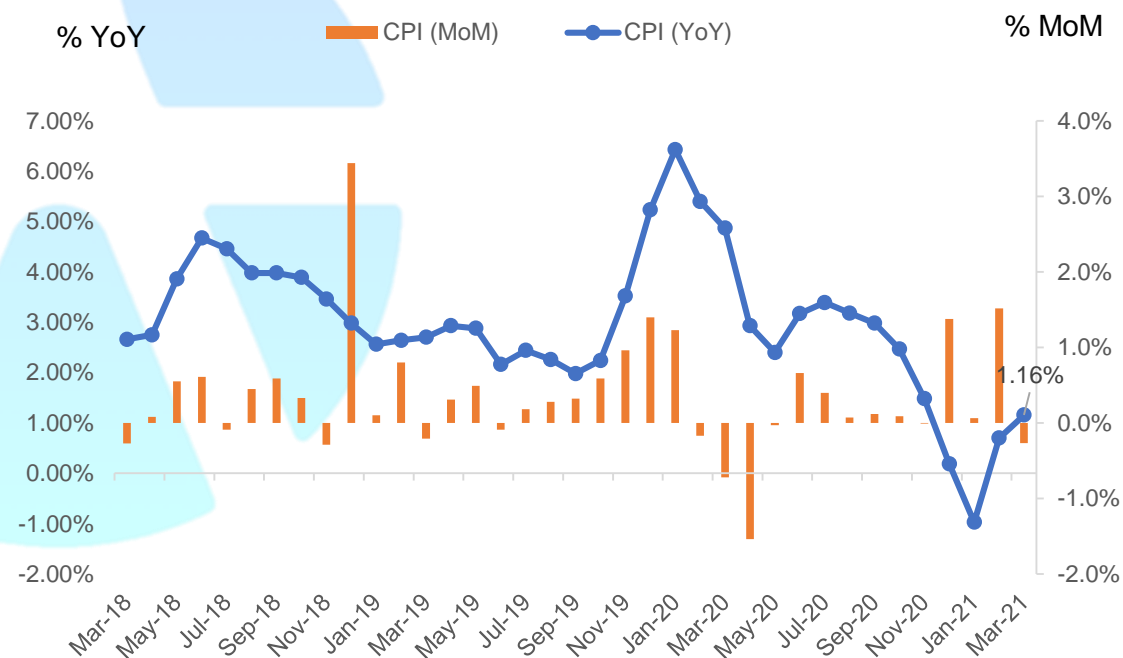
- Kim ngạch xuất khẩu tháng 03/2021 ước tính đạt 28.6 tỷ USD, tăng 41.6% MoM; Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 28.2 tỷ USD, tăng 36.5 % MoM. Lũy kế 3T2021 xuất khẩu ước đạt 77.34 tỷ USD, tăng 22% YoY; nhập khẩu ước đạt 75.3 tỷ USD, tăng 26.3 % YoY.
- Cán cân thương mại thặng dư 2.03 tỷ USD, thấp hơn so với mức 3.74 tỷ USD cùng kỳ 2020.



4. Lạm phát cơ bản bình quân Q1/2021 tăng 0.67% so với cùng kỳ

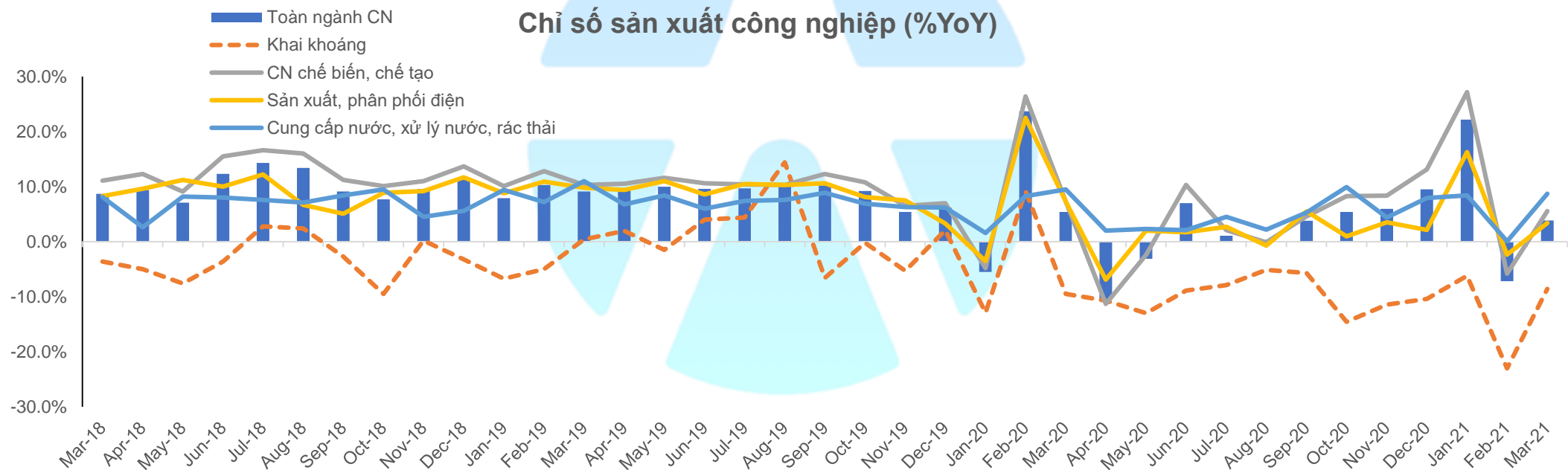
- CPI tháng 3/2021 giảm 0.27% so với tháng trước và tăng 1.16% so với tháng 03/2020. Trong khi chỉ số giá tiêu dùng của hầu hết các mặt hàng trong rổ tính CPI đều giảm thì Giao thông vẫn tiếp tục là nhóm tăng trưởng mạnh nhất so với tháng trước, tăng 2.29% MoM do việc tiếp tục điều chỉnh tăng giá xăng dầu.
- CPI bình quân từ đầu năm tới nay tăng 0.3%**, thấp hơn nhiều so với mức 5.57% cùng kỳ Q1/2020. Chỉ số giá vàng tháng 03/2021 giảm 2.97% so với tháng trước và tăng 16.84% so với cùng kỳ, trong khi chỉ số giá đô la Mỹ tăng 0.23% so với tháng trước và giảm 0.7% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu	YoY	MoM	BQ
CPI chung	1.16%	-0.27%	0.30%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1.33%	-1.46%	1.58%
Đồ uống và thuốc lá	1.73%	-0.37%	1.51%
May mặc, mũ nón, giày dép	0.81%	-0.20%	0.71%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	0.82%	0.24%	-0.80%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	0.47%	-0.05%	0.52%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.21%	0.02%	0.27%
Giao thông	0.48%	2.29%	-5.45%
Bưu chính viễn thông	-0.57%	-0.13%	-0.55%
Giáo dục	4.04%	0.01%	4.08%
Văn hoá, giải trí và du lịch	-0.71%	-0.03%	-1.79%
Hàng hoá và dịch vụ khác	1.55%	-0.28%	1.65%



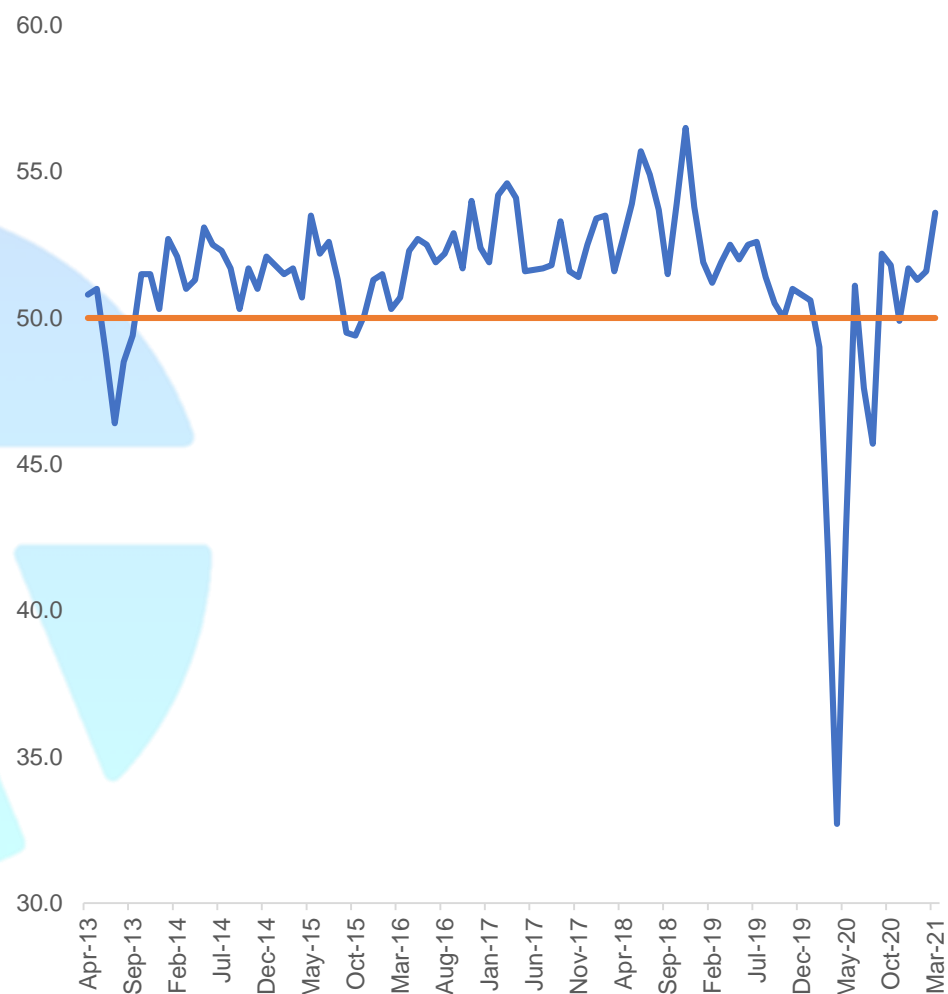
5. Chỉ số sản xuất công nghiệp lấy lại đà tăng trưởng

- Sau khi giảm nhẹ vào tháng 2 do ảnh hưởng kỳ nghỉ tết, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 03/2021 tăng 3.9% YoY, tăng 22.1% MoM. Sự tăng trưởng diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực, trong đó, CN chế biến chế tạo tăng 5.5% YoY; Sản xuất, phân phối điện tăng 3.4% YoY; Cung cấp nước, xử lý nước, rác thải tăng 8.7%; Khai khoáng tích cực hơn khi thu hẹp đà giảm còn - 8.6% YoY.
- Khai thác dầu thô và khí vẫn tiếp tục là ngành có mức tăng trưởng thấp nhất (-13.2% YoY) trong khi, ngành Sản xuất đồ uống bất ngờ trở thành lĩnh vực có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng mạnh nhất trong tháng 03 (+24.5% YoY).



5. PMI ghi nhận tháng thứ 4 liên tiếp trên 50 điểm

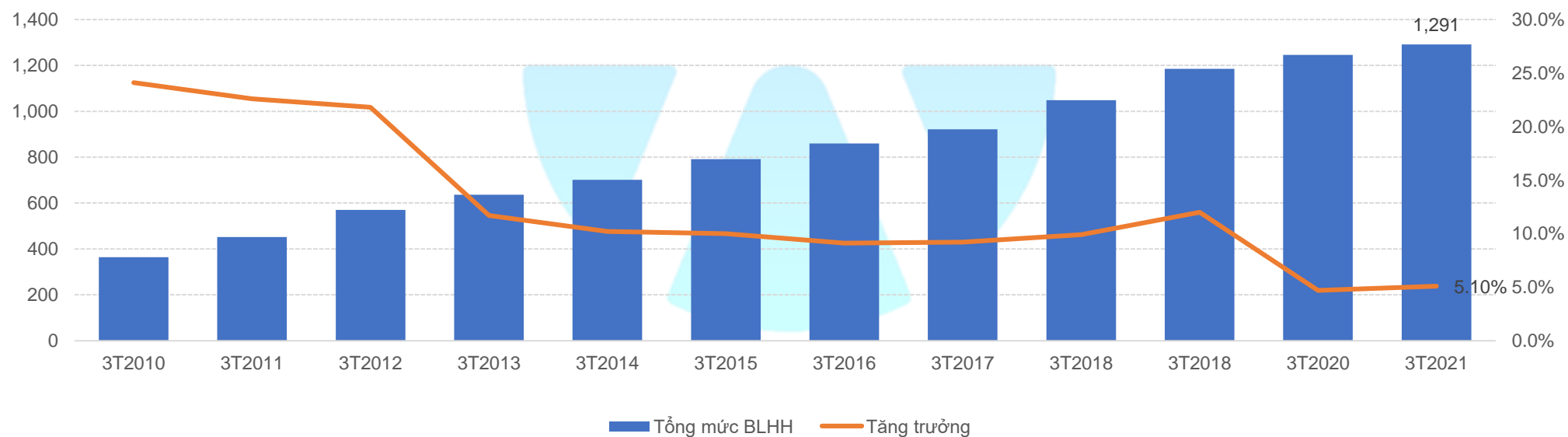
- PMI tháng 3 của Việt Nam đạt mức 53,6 đây là tháng thứ 4 liên tiếp ghi nhận PMI trên 50 điểm.
- Số lượng đơn đặt hàng mới đã tăng tháng thứ 7 liên tiếp và nhanh nhất 20 tháng, lượng đơn từ nước ngoài tăng mạnh nhất từ tháng 11/2018 cho thấy nhu cầu quốc tế đã cải thiện.
- Tốc độ tăng của sản xuất cao nhất 20 tháng, dẫn đầu ở mảng hàng hoá tiêu dùng. Tâm lý kinh doanh cũng đạt mức cao nhất kể từ tháng 07/2019 với lạc quan về triển vọng sản lượng.
- Tuy nhiên, vẫn có khó khăn ở khâu nguyên liệu đầu vào khiến giá cả đầu ra đã tăng mạnh nhất 4 năm, khi các nhà sản xuất đã chuyển bớt gánh nặng chi phí sang cho khách hàng.
- Chúng tôi đánh giá sản xuất mảng hàng hóa tiêu dùng tiếp tục tăng mạnh là tín hiệu tốt cho việc tiếp diễn phục hồi kinh tế. Hoạt động xuất khẩu của Việt Nam đã tận dụng được tốt cơ hội ngay khi kinh tế thế giới phục hồi. Việc giá cả đầu ra tăng mạnh chỉ là tạm thời và có thể sẽ kết thúc sớm khi các hoạt động tàu biển, container ổn định trở lại.



6. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ Q1/2021 tăng trưởng nhẹ

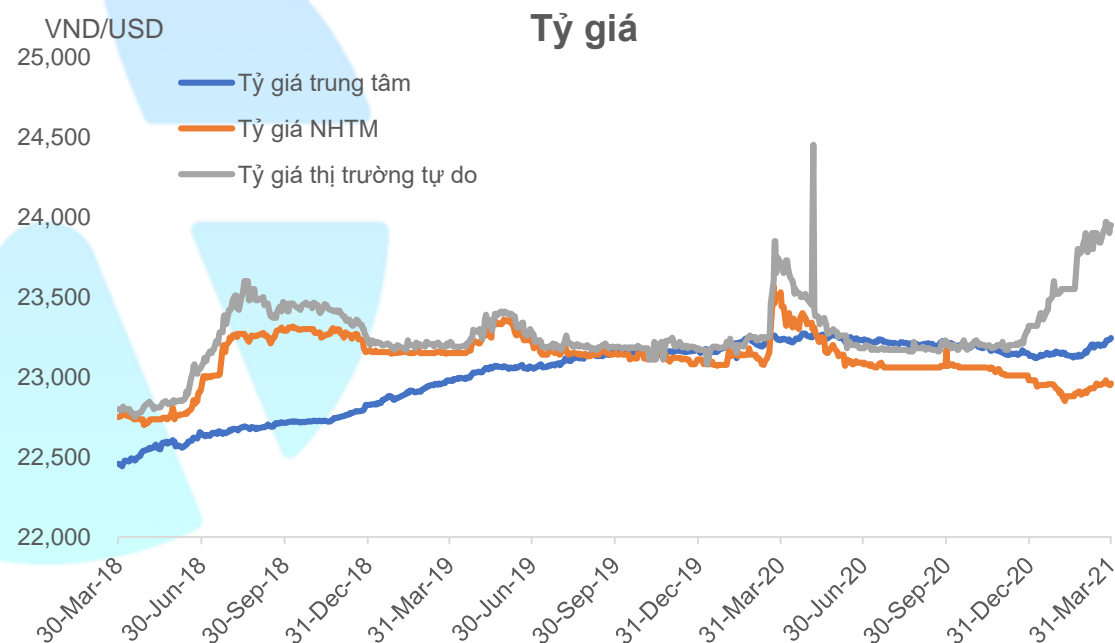
- Hoạt động thương mại trong nước và vận tải hàng hóa có dấu hiệu tích cực trong tháng 03/2021. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tháng 03/2021 ước đạt 405.1 tỷ, giảm 3.8% MoM và tăng 9.2% YoY.
- Tính tổng Q1/2021, **tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ đạt 1,291 nghìn tỷ, tăng 5.1% YoY**. Vận tải hành khách giảm 11.8% YoY (cùng kỳ 2020 giảm 6.1%), vận tải hàng hóa tăng 10.2% YoY (cùng kỳ tăng 1.1%)
- Lượng khách quốc tế trong tháng 3 tăng 77.3% MoM và giảm 95.7% YoY. Tính chung Q1/2021, khách quốc tế ước đạt 48.1 nghìn lượt, giảm 98.7% YoY.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa - Lũy kế (nghìn tỷ VNĐ)



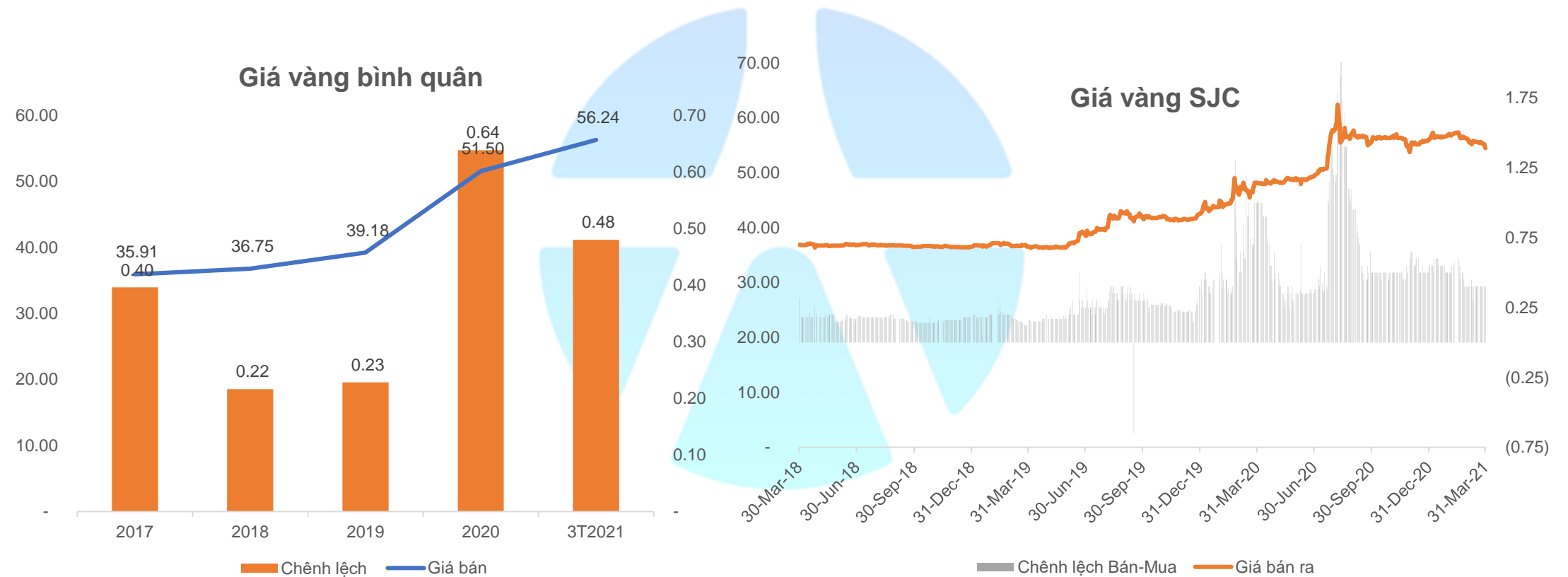
7. Tỷ giá thị trường tự do tăng mạnh

- Tỷ giá có chiều hướng tăng trong 2 tháng gần đây, đặc biệt tỷ giá thị trường tự do có dấu hiệu tăng mạnh so với tỷ giá trung tâm và tỷ giá NHTM.
- Tính tại ngày 31/3/2021, tỷ giá NHTM giảm 0.09% so với thời điểm đầu năm, trong khi tỷ giá trung tâm và tỷ giá thị trường tự do tăng lần lượt 0.49% và 2.7% so với thời điểm đầu năm.
- Gần đây, lãi suất trái phiếu chính phủ Mỹ có xu hướng tăng mạnh trước áp lực lạm phát có khả năng tăng. Lãi suất đồng USD tăng có thể sẽ là động lực khiến nhà đầu tư rút vốn quay về thị trường Mỹ, đây là yếu tố chính khiến tỷ giá tăng trong thời gian gần đây.
- Với lượng dự trữ ngoại tệ dồi dào, theo chúng tôi tỷ giá sẽ sớm ổn định trở lại.



7. Giá vàng trong nước giảm theo giá vàng thế giới

- Giá vàng trong nước và thế giới liên tục giảm từ đầu năm tới nay. Giá vàng SJC tại ngày 31/03/2021 đã giảm 2.85% so với thời điểm đầu năm về mức 54.5 triệu đồng/ lượng ở chiều bán ra. Chênh lệch chiều mua – bán cũng giảm mạnh về mức khoảng 400 nghìn đồng/lượng.

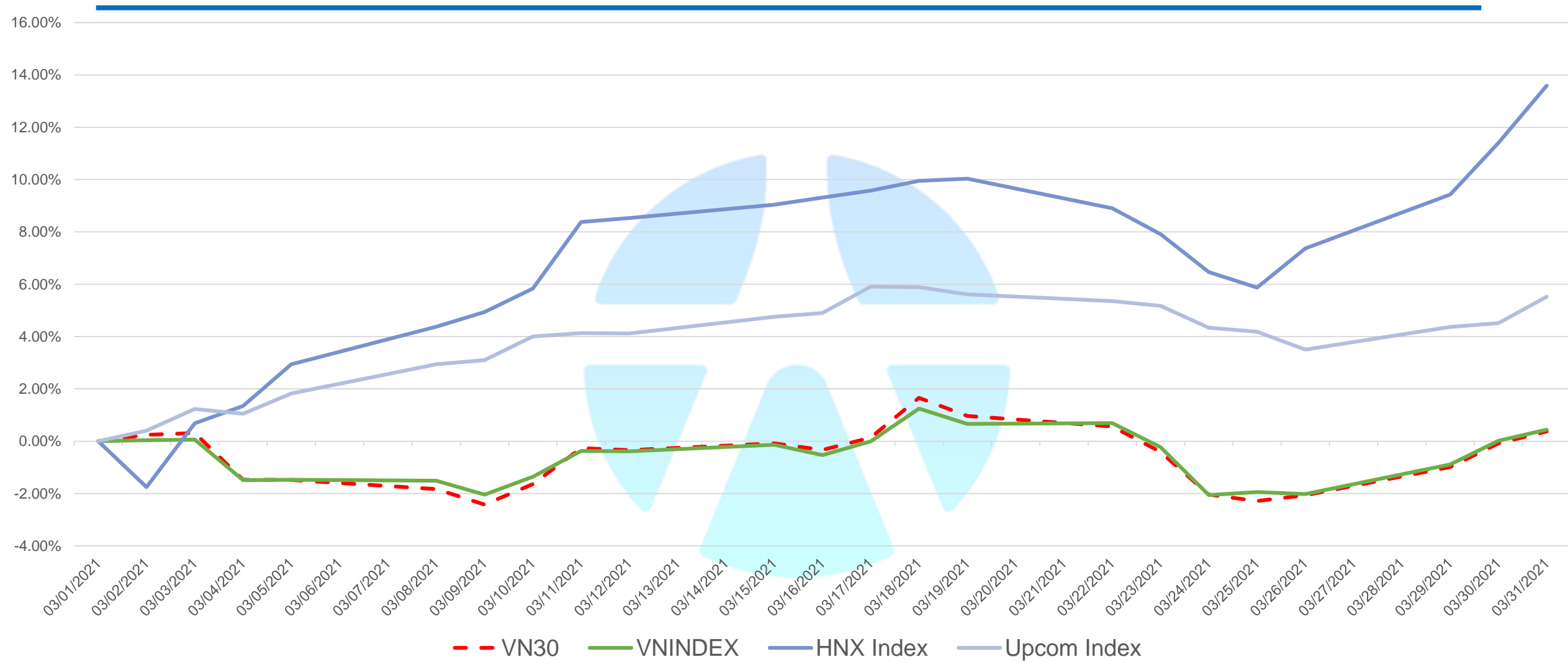


Nhận định kinh tế vĩ mô Việt Nam Q2/2021

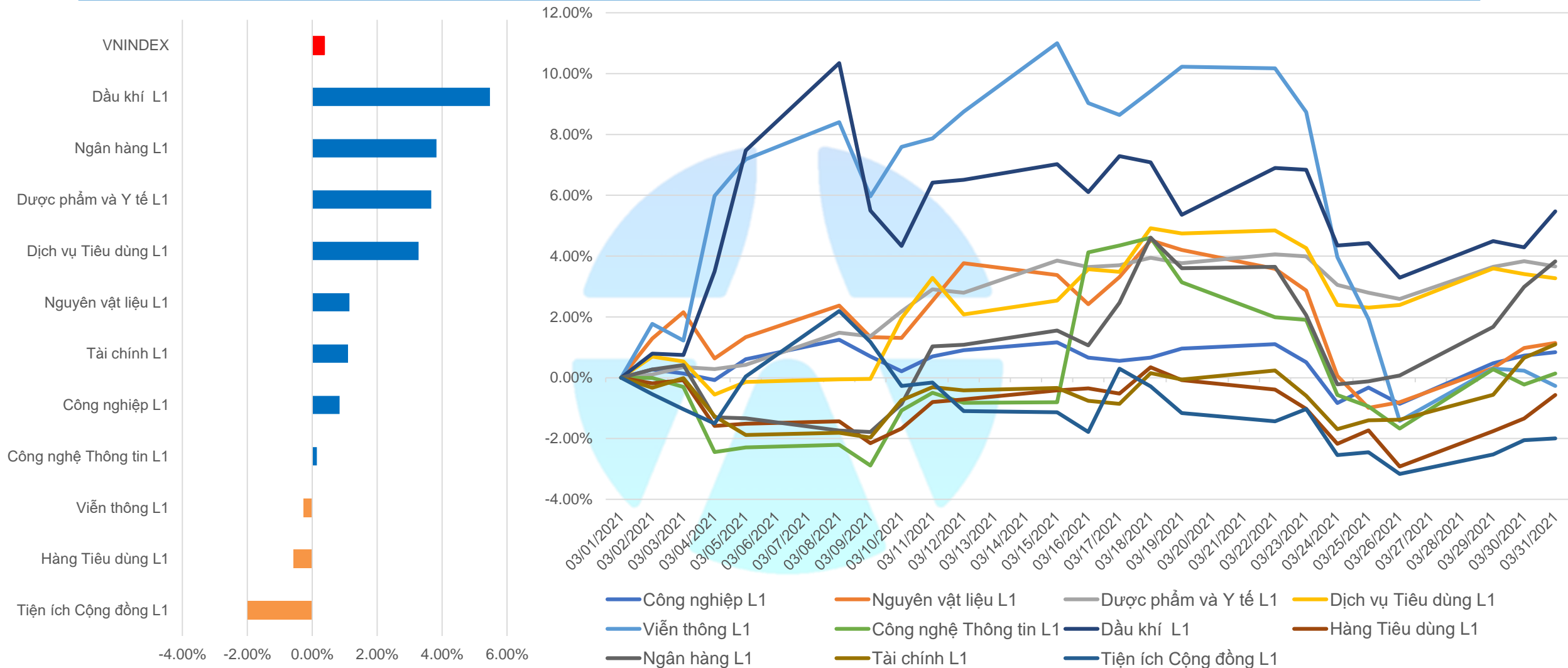
- Mặc dù mức tăng trưởng 4.48% GDP trong Q1/2021 không tích cực như kỳ vọng do ảnh hưởng bởi lần bùng dịch thứ 3 tại Việt Nam, nhưng các chỉ số kinh tế cho thấy nhiều tín hiệu khả quan hơn. Điểm tích cực nhất có thể thấy trong Q1 vừa qua là sự tăng trưởng trở lại của dòng vốn FDI, không chỉ thể hiện ở dòng vốn giải ngân mà ở cả lượng vốn đăng ký mới. Theo chúng tôi, lượng vốn giải ngân sẽ vẫn tăng trưởng đều trong thời gian tới, trong khi vốn đăng ký mới có thể sẽ tiếp tục phụ thuộc vào tình hình triển khai vaccine trên thế giới. Mặc dù, việc phân phối vaccine ở Châu Âu đang bị trì hoãn, nhưng một số hãng hàng không trong nước đã mở lại đường bay quốc tế từ tháng 4, đây sẽ là yếu tố hỗ trợ cho việc đi lại của các chuyên gia nước ngoài tới Việt Nam.
- Hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra sôi động khi tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 3 tháng đầu năm tăng hơn 24% so với cùng kỳ. Ngoài ra, các yếu tố khác như nhu cầu chi tiêu hàng hóa dịch vụ vẫn tăng ổn định, lạm phát trong tháng 3 đã tăng chậm hơn so với tháng 2, lĩnh vực sản xuất công nghiệp lấy lại đà tăng trưởng với niềm tin và sự lạc quan về tình hình sản xuất trong thời gian tới.
- Chúng tôi cho rằng, sự hồi phục sẽ còn thể hiện rõ hơn trong quý tới, nhất là khi mức nền Q2//2020 khá thấp. Chúng tôi ước tính **GDP Q2/2021 sẽ đạt khoảng 6.4% và cả năm sẽ đạt mức 6.57%.**



8. Chỉ số HNX-Index tiếp tục dẫn đầu đà tăng trong tháng 03/2021

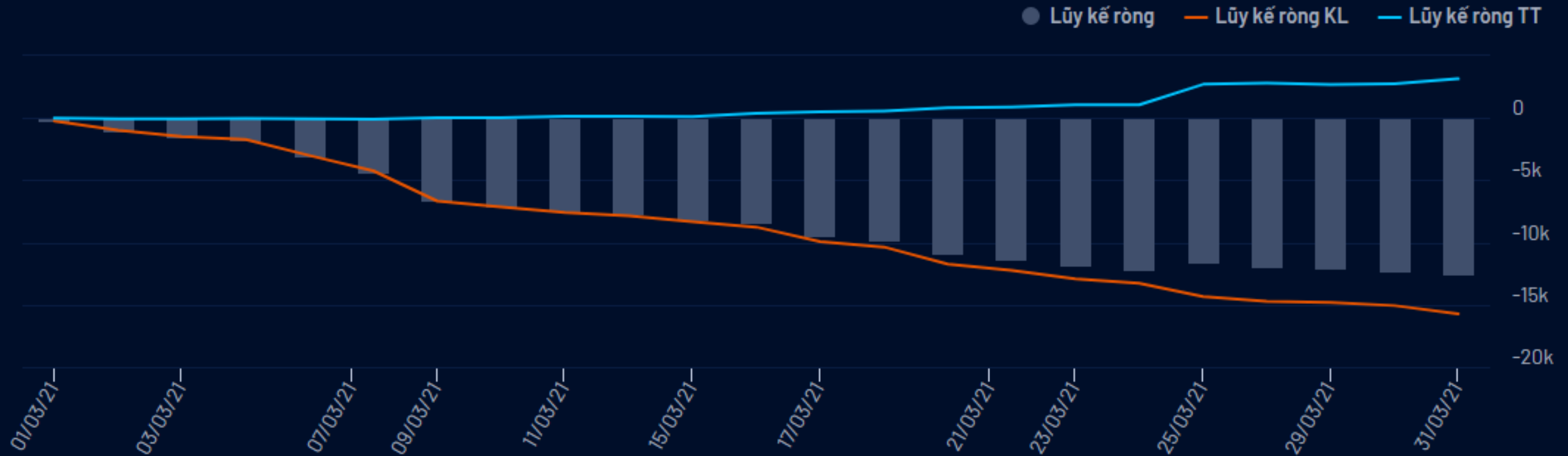


8. Nhóm cổ phiếu Dầu khí vẫn tăng trưởng mạnh nhất trong tháng 03



9. Khối ngoại bán ròng mạnh 12,564 tỷ trong tháng 03/2021

GIÁ TRỊ LŨY KẾ RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

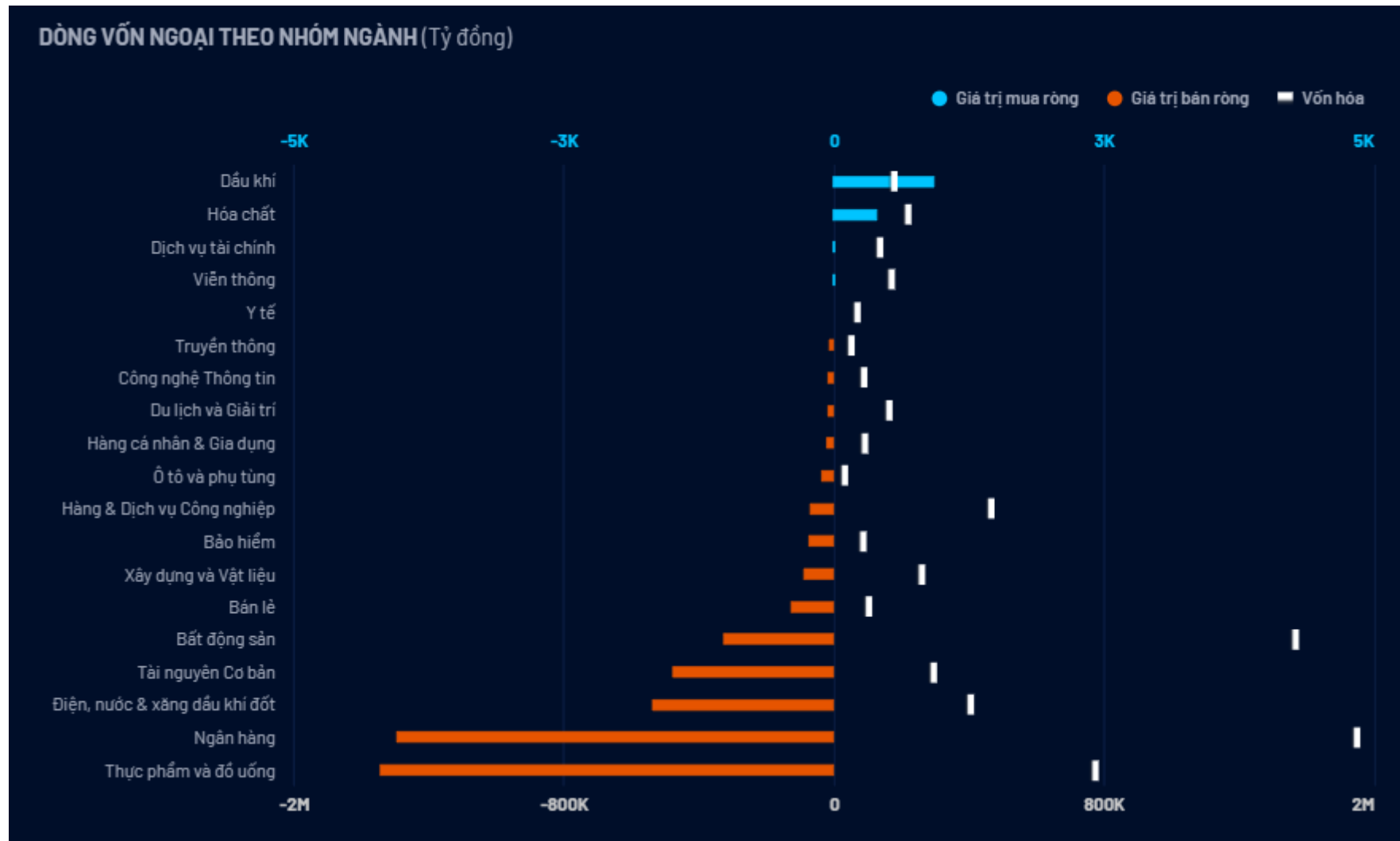


Công Ty Chứng Khoán
Yuanta Việt Nam

Yuanta
Securities Vietnam

www.yuanta.com.vn

9. Khối ngoại tập trung bán ròng nhóm Thực phẩm và Ngân hàng



9. VNM là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất



TỶ LỆ SỞ HỮU KHỐI NGOẠI SO VỚI THỊ TRƯỜNG

TOÀN THỊ TRƯỜNG

TỶ LỆ SỞ HỮU

16%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

145,903,449

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

23,561,009

HSX

TỶ LỆ SỞ HỮU

20%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
(Tỷ đồng)

110,789,027

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI
(Tỷ đồng)

22,319,151

HNX

TỶ LỆ SỞ HỮU

6%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
(Tỷ đồng)

7,986,337

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI
(Tỷ đồng)

452,229

UPC

TỶ LỆ SỞ HỮU

3%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
(Tỷ đồng)

27,128,085

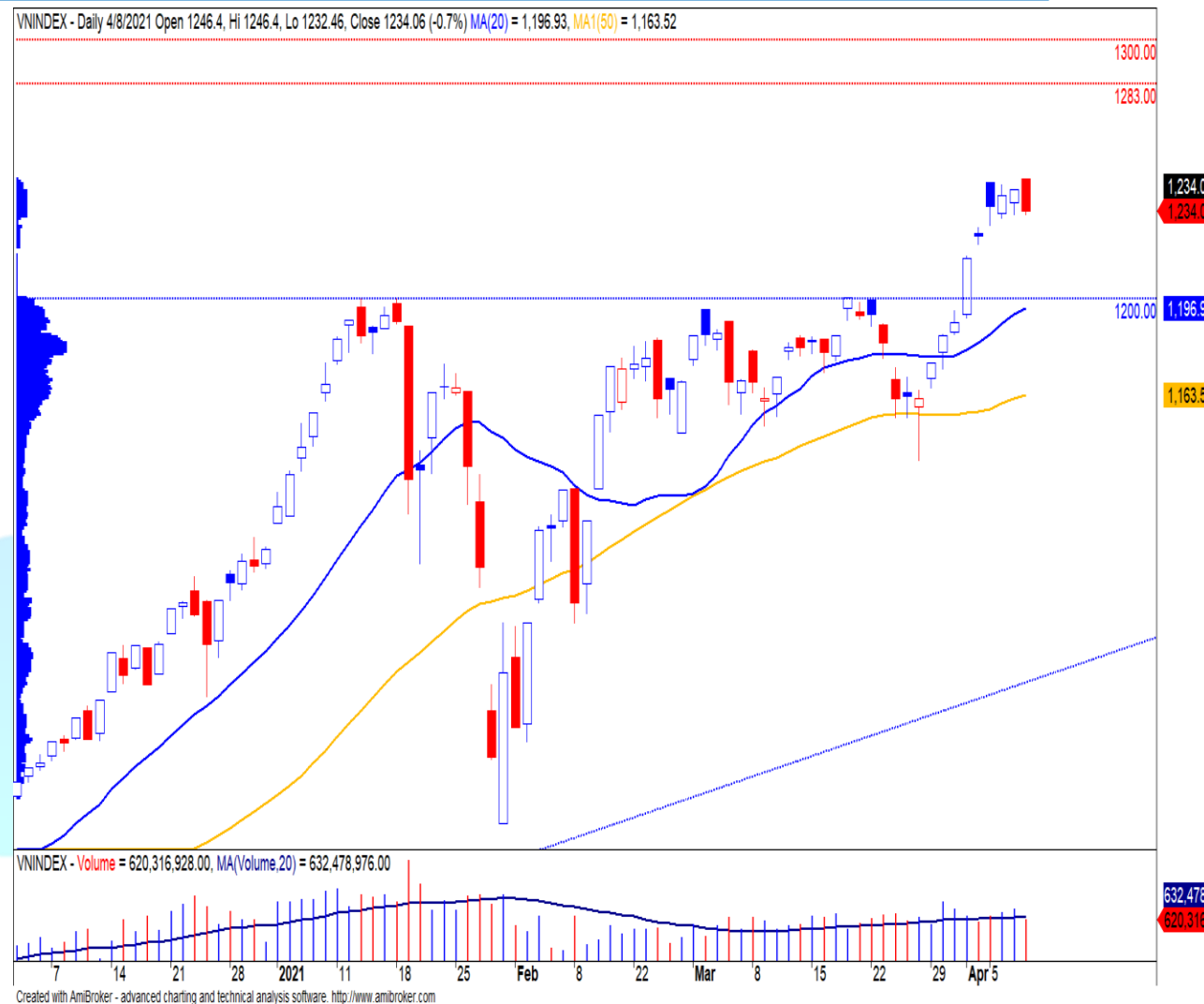
TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI
(Tỷ đồng)

789,629



10. Dự báo kịch bản thị trường tháng 04/2021

- Chúng tôi dự báo chỉ số VN-Index có thể tiếp tục xu hướng **TĂNG** trung hạn và hướng về vùng **1,283 – 1,300 điểm**.
- Nhóm ngân hàng sẽ tiếp tục là nhóm dẫn dắt chính xu hướng của thị trường. Dự báo quý 1/2021 sẽ là quý tăng trưởng cao nhất năm 2021 và dự địa tăng trưởng ở những quý còn lại phụ thuộc vào từng câu chuyện riêng của các ngân hàng. Mức tăng trưởng của chỉ số nhóm Ngân hàng có thể đạt gần 5% so với mức điểm tại phiên 07/04/2021 cho thấy dự địa tăng trưởng không còn hấp dẫn.
- Rủi ro nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có chiều hướng gia tăng khi xung lực tăng giá trung hạn và dòng tiền ở nhóm cổ phiếu này suy yếu.
- Chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư có thể tiếp tục **NẮM GIỮ** tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục và xem xét **hạ một phần tỷ trọng** cổ phiếu khi chỉ số VN-Index tiến về vùng 1,283 – 1,300 điểm. Đồng thời, các nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư theo chiến lược phòng thủ với các cổ phiếu có mức chi trả cổ tức cao (tham khảo danh mục cổ phiếu theo Nghị định 140 trong trang kế tiếp).



10. Danh sách các cổ phiếu theo Nghị định 140

STT	Mã CK	Tên	Sàn	Tăng trưởng DT 2020	Tăng trưởng LNST 2020	Giá CP (5/4/2021)	Lợi suất cổ tức/Giá CP (Min)	Lợi suất cổ tức/Giá CP (Max)	Tỷ lệ cổ tức (Min)	Tỷ lệ cổ tức (Max)
1	BVS	Chứng khoán Bảo Việt	HNX	5%	-2%	24,300	22%	22%	55%	55%
2	QTP	Nhiệt điện Quảng Ninh	UPCOM	-9%	101%	15,500	19%	19%	29%	30%
3	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	UPCOM	1%	49%	14,700	16%	17%	24%	24%
4	PVB	Bọc ống Dầu khí Việt Nam	HNX	82%	62%	18,400	15%	42%	28%	78%
5	POS	Bảo dưỡng công trình DK biển	UPCOM	139%	198%	17,200	15%	16%	25%	28%
6	TTN	Công nghệ và Truyền thông VN	UPCOM	24%	-34%	14,400	14%	15%	20%	21%
7	CLH	Xi măng La Hiên	HNX	3%	20%	21,600	13%	14%	28%	30%
8	DVP	ĐT và PT Cảng Đình Vũ	HOSE	-7%	-4%	46,300	13%	16%	59%	74%
9	BMI	Bảo hiểm Bảo Minh	HOSE	NA	-6%	25,700	13%	13%	32%	32%
10	HND	Nhiệt điện Hải Phòng	UPCOM	-4%	25%	21,600	12%	15%	27%	32%
11	HLD	Bất động sản HUDLAND	HNX	-57%	-2%	31,400	12%	25%	37%	78%
12	SD5	Sông Đà 5	HNX	49%	43%	9,800	11%	11%	11%	11%
13	BSI	Chứng khoán BIDV	HOSE	50%	12%	15,050	11%	11%	16%	16%
14	BIC	Bảo hiểm BIDV	HOSE	NA	41%	22,400	11%	13%	24%	28%
15	BCC	Xi măng Bỉm Sơn	HNX	12%	18%	11,700	11%	11%	12%	12%

Chú thích:

- Lợi suất cổ tức (dựa trên giá đóng cửa ngày 05/04/2021); Tỷ lệ cổ tức (dựa trên mệnh giá 10,000 VND).
- Max, Min: Nghị định không đề cập tới mức Lợi nhuận lũy kế các năm trước. Do đó, mức Min chỉ tính tới phần cổ tức phải trả dựa trên KQKD năm 2020, mức Max tính thêm phần lợi nhuận lũy kế từ các năm trước DN có thể trả.



10. Danh sách các cổ phiếu theo Nghị định 140

STT	Mã CK	Tên	Sàn	Tăng trưởng DT 2020	Tăng trưởng LNST 2020	Giá CP (5/4/2021)	Lợi suất cổ tức/Giá CP (Min)	Lợi suất cổ tức/Giá CP (Max)	Tỷ lệ cổ tức (Min)	Tỷ lệ cổ tức (Max)
16	CLC	Thuốc lá Cát Lợi	HOSE	-2%	-8%	38,500	10%	18%	39%	69%
17	HMC	Kim khí TP.HCM	HOSE	-19%	490%	17,900	10%	18%	18%	33%
18	NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	HOSE	-21%	-17%	22,350	10%	20%	22%	45%
19	VTO	VITACO	HOSE	-23%	-30%	9,300	10%	14%	9%	13%
20	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	HOSE	-3%	-20%	29,100	9%	23%	27%	67%
21	VEA	Máy động lực và Máy NN	UPCOM	-18%	-22%	45,700	9%	20%	42%	89%
22	HT1	Xi măng Hà Tiên 1	HOSE	-9%	-17%	18,400	9%	10%	16%	19%
23	SJD	Thủy điện Cần Đơn	HOSE	-22%	-32%	17,550	9%	9%	15%	15%
24	CSV	Hóa chất Cơ bản miền Nam	HOSE	-14%	-28%	30,700	9%	10%	26%	32%
25	ILB	ICD Tân Cảng Long Bình	HOSE	9%	6%	27,100	8%	10%	23%	28%
26	MIG	Bảo hiểm Quân đội	HOSE	NA	37%	16,950	8%	9%	14%	15%
27	BFC	Phân bón Bình Điền	HOSE	-11%	67%	22,450	8%	13%	18%	30%

Chú thích:

- Lợi suất cổ tức (dựa trên giá đóng cửa ngày 05/04/2021); Tỷ lệ cổ tức (dựa trên mệnh giá 10,000 VND).
- Max, Min: Nghị định không đề cập tới mức Lợi nhuận lũy kế các năm trước. Do đó, mức Min chỉ tính tới phần cổ tức phải trả dựa trên KQKD năm 2020, mức Max tính thêm phần lợi nhuận lũy kế từ các năm trước DN có thể trả.



Liên hệ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích khối Khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3908
hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Phó phòng Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Khổng Hữu Hiệp

Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3912
hiep.khong@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn



Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.

